

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/19/CBT/THS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN (SEASPIMEX)**

Mã chứng khoán: **SPV**

Trụ sở chính: 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608215

Người thực hiện công bố thông tin: ông Lê Công Đức

Địa chỉ: 121 đường D2, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608215

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.seaspimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./

* Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2018



LÊ CÔNG ĐỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX - VIETNAM**



SEASPIMEX®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2018

Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/19/BC/TDS/HDQT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 05 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: seaspimex@hcm.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tóm tắt lịch sử và hình thành và phát triển của Công ty:

Cách đây 34 năm, ngày 01-09-1983, Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM - được hình thành trên cơ sở tách P.Kinh Doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam SEAPRODEX VIET NAM – đánh dấu một bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Trải qua hơn 30 năm hình thành và phát triển Công ty XNK Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty XNK Thủy Đặc Sản được nhà nước tặng huân chương: “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ngày

11/01/2002 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức được thành lập.

Tiếp tục trong 15 năm Cổ phần hóa, Công ty đã chủ động tự cần đổi, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do hoạch định những chiến lược sản xuất - kinh doanh đúng hướng nên việc các công ty thành viên ra đời là một hệ quả tất yếu.

Cụ thể, ngày 01/09/2008 Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

Song song với việc phát triển bền vững đó, ngày 01/01/2011 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: LOGO, CÁC ẢN PHẨM VĂN PHÒNG, TRANG WEB, BAO BÌ CHO TOÀN BỘ SẢN PHẨM

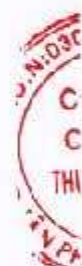
Với sự đầu tư đúng mức, hơn 30 năm kinh nghiệm trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, chắc chắn Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM sẽ đạt được những thành công vượt bậc về cung cấp hàng hóa chất lượng, dịch vụ kịp thời, nhanh chóng, tiện ích.

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020 (chính)
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở)	4632
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ương cá giống (không hoạt động tại trụ sở)	0322
5	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
6	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1030
7	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Lắp ráp xe gắn máy	4542
8	Bán xe mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe mô tô, xe máy	4541
9	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân đầu vào Chi tiết: Sản xuất nông phẩm, thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1079
10	SX, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và SX nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322



STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm	
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (rừng gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm. Mua bán nông lâm thủy hải sản.	4520
13	Buôn bán đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4633
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình	4619
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí	4662
16	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng, khách sạn	4659
17	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet	6209
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại	4543
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính	4651
21	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: kinh doanh nhà hàng ăn uống	5610
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô	4511
24	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung học chuyên nghiệp; đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8532
25	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông	6190
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh	6810
27	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ KD khác còn lại chưa được phân đầu vào Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước đá	8299

Địa bàn kinh doanh: Phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á ... và thị trường nội địa.

9853
CÔNG TY
Ổ PHẢI
LÝ ĐẶC S
TP. HCM

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:
 - Ông Lê Công Đức Chủ tịch
 - Ông Bùi Tuấn Ngọc Thành viên
 - Ông Cao Thanh Định Thành viên
 - Ông Trần Phước Thái Thành viên
 - Ông Nguyễn Văn Liêm Thành viên (Hết nhiệm kỳ HĐQT ngày 24/04/2018)
 - Ông Huỳnh An Trung Thành viên (Trùng cử HĐQT ngày 24/04/2018)
- Ban Điều hành Công ty gồm 04 thành viên:
 - Ông Lê Công Đức Tổng Giám đốc
 - Ông Lê Minh Bằng Phó Tổng Giám đốc
 - Ông Nguyễn Minh Tiến Phó Tổng Giám đốc
 - Bà Đặng Thị Ngọc Bích Kế toán trưởng

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

Dao gồm các phòng ban và các phân xưởng sau đây:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng Đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh, Phân xưởng Ghẹ.



- Các công ty con, chi nhánh:

• **Seaspimex Bến Tre:**

NHÀ MÁY ĐÔNG LẠNH BA TRI (BTF)

Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Khuôn viên: 5.000m²

Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, dùi éch...

• **Seaspimex Hà Nội:**

Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

Fax : 024. 37719431

Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ TP.Vinh trở ra Bắc.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV.

Đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hướng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng và hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;

- Giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục biến động tăng do nguồn cung sụt giảm đồng thời cạnh tranh thu gom nguyên liệu giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân;

- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;

Tài chính của Công ty sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;

- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghe từ ghe nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;

- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;

- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

- Các chỉ tiêu thực hiện năm 2018:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,97	13,02	13,06	93	99,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	447,08	386,09	379,18	86	101,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.384,00	2.812,03	2.895,38	83	97,1
4. Gia công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,84	103	103,8
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,34	6,27	5,76	117	108,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	155,08	192,03	180,49	124	107,0
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.384,82	1.313,10	120	105,5
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,33	11,05	9,44	98	117,0

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	613,50	590,17	569,10	96	103,7
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.534,00	4.196,85	4.208,50	93	99,7
3. Giá công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,80	103	103,8
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	22,22	15,74	148	141,2

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong BDH)

T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Lê Công Đức	Nam	28/10/1960	Kỹ sư cơ khí Cử nhân Kinh tế	01/04/2015	Tổng Giám đốc	0,00
2	Lê Minh Bằng	Nam	23/04/1966	Kỹ sư điện Cử nhân Kinh tế	01/05/2015	P. TGD	0,00
3	Nguyễn Minh Tiến	Nam	14/12/1959	KS điện	01/05/2015	P. TGD	0,00
4	Đặng Thị Ngọc Bích	Nữ	26/02/1964	Cử nhân Kinh tế	01/12/1983	Kế toán trưởng	0,00

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2018: không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2018: 907 LĐ

Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 5.500.000 đồng

- Các chính sách đối với người lao động:

Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 5,5 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định. Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty. Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho CB.CNV

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	116.230.738
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	0
Tổng cộng		VNĐ	116.230.738

b. Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

• **Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri (BTF):**

- CN Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đùl ếch, bạch tuộc, ghẹ.
- Sản lượng sản xuất: 1.384,82 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
Doanh số xuất khẩu: 6,27 triệu USD bằng 109% năm 2017.
Lợi nhuận đạt giá trị: 4,76 tỷ đồng.

• **Chi nhánh Hà Nội:**

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2018:
Doanh thu thực hiện: 11,05 tỷ đồng bằng 117% năm 2017.
Lợi nhuận đạt giá trị: 0,77 tỷ đồng.

4. **Tình hình tài chính:**

a. Tình hình tài chính:

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	312,216	383,205	
Doanh thu thuần	526,546	549,741	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,747	22,624	
Lợi nhuận khác	(0,355)	(0,403)	
Lợi nhuận trước thuế	15,392	22,221	
Lợi nhuận sau thuế	15,234	20,197	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,411	1,870	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.76	0.91	
+ Hệ số thanh toán rhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.53	0.55	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.63	0.64	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.74	1.81	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8.66	7.25	
Doanh thu thuần/Iổng tài sản	1.69	1.43	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2.89%	3.67%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	13.36%	14.81%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	4.88%	5.27%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.99%	4.12%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần (Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 29/03/2019 (Danh sách do VSD cung cấp) Công ty có 533 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	1	1.944.000	18,00
2	Cổ đông Tổ chức	6	1.741.700	16,13
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	2	1.398.890	12,95
4	Cổ đông Nước ngoài	13	304.481	2,82
5	Cổ đông cá nhân	521	5.410.929	51,10
TỔNG CỘNG		543	10.800.000	100,00
Trong đó: Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		3	4.474.900	41,43

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Cty năm 2018:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2018:

Nhà máy Bình Chánh : 3.496.019 kg

CN XN thủy sản Ba Tri : 2.078.526 kg

Tổng cộng : 5.574.545 kg

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.



6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWk	6.830.353	1.698.800	8.529.153
2	Xăng	lít	220	1.990	2.210
3	Dầu DO	lít	2.200	39.199	41.399
4	Dầu hỏa	lít	0	0	0
5	Củi thanh cây	kg	1.688.070	0	1.688.070

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

STT	Nguồn cung cấp nước	DVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	879	0	879
2	Khai thác nước ngầm	m ³	77.732	43.800	121.532

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2018: 907 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 5.500.000 đồng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLD:

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.



c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại NV.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2018 tương đối ổn định, Công ty vẫn duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực. Thị trường cá ngừ xuất khẩu vẫn duy trì ở mức giá thấp, nguồn cung nguyên liệu giảm;
- Đối với thị trường Châu Âu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do EU cảnh cáo thẻ vàng từ năm 2017 về việc khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt;
- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác như: ghe tương đối ổn định nhưng phải cạnh tranh về giá bán, giá nguyên liệu bạch tuộc tăng cao do sản lượng đánh bắt giảm làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Năm 2018 thị trường dúi ếch có cơ hội mở rộng do Công ty trở lại khai thác thị trường Mỹ sau một thời gian dài gián đoạn.

Về gia công:

- Hoạt động gia công ổn định tuy nhiên cũng gặp phải các khó khăn do khách hàng đòi hỏi việc giám sát và xây dựng bộ máy quản lý ở mức độ cao, linh hoạt; hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm ngày càng cao;
- Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công nước ngoài truyền thống: cá hồi đông lạnh, cá Saba đông lạnh;
- Nhóm khách hàng gia công nội địa ổn định tuy nhiên sản lượng không cao do khách hàng vẫn khó khăn tìm nguồn nguyên liệu.

Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được tinh gọn phù hợp chức trách được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tìm cơ hội tiếp cận thêm các nhóm khách hàng;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá sốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp;
- Thực hiện kinh doanh các mặt hàng có lợi nhuận, mở rộng các kênh phân phối.

1.2 Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2018, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghe, cá ngừ, biến động liên tục do sản lượng đánh bắt giảm do các điều kiện tự nhiên và các nguyên nhân khách quan khác. Sản lượng nguyên liệu Cá ngừ năm 2018 là: 3.013 tấn giảm gần 30% so với năm 2017 (3.909,2 tấn);

1853
CÔNG TY
PHÂN
ĐẶC SẢN
HỒ

- Đứng trước tình hình đó, Nhà máy liên tục theo dõi và điều chỉnh lại chính sách giá hợp lý để duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng, thông qua các kênh thông tin để tiếp cận tìm kiếm thêm khách hàng mới. Giữ vững các thị trường truyền thống xây dựng mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng lâu năm;
 - Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật lâu năm: cá hồi, cá Saba, cũng như các khách hàng gia công trong nước;
 - Tổng sản lượng: 6.172,38 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.812,03 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.360,35 tấn.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 13,02 triệu USD bằng 100% năm 2017.
 - Doanh thu toàn Nhà máy: 386,092 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 16,69 tỷ đồng.
- b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:**
- CN Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: cùì ếch, bạch tuộc, ghẹ.
 - Sản lượng sản xuất: 1.384,82 tấn.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 6,27 triệu USD bằng 109% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,76 tỷ đồng.
- c. Chi nhánh Hà Nội:**
- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
 - Kết quả kinh doanh năm 2018:
 - Doanh thu thực hiện: 11,05 tỷ đồng bằng 117% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,77 tỷ đồng.

1.3 Kết quả thực hiện năm 2018:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,97	13,02	13,06	93	99,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	447,08	386,09	379,18	86	101,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.384,00	2.812,03	2.895,38	83	97,1
4. Gia công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,84	103	103,8
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,34	6,27	5,76	117	108,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	155,08	193,03	180,49	124	107,0
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.384,82	1.313,10	120	105,5
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,33	11,05	9,44	98	117,0
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
1. Doanh thu	Tỷ đồng	613,50	590,17	569,10	96	103,7
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.534,00	4.196,85	4.208,50	93	99,7
3. Giá công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,80	103	103,8
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	22,22	15,71	148	141,2

2. Tình hình tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224.270.603.686	149.678.053.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.170.887.554	45.837.600.758
1. Tiền	111		29.170.887.554	45.837.600.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.741.630.826	52.287.188.394
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97.356.814.091	51.193.347.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.043.674.335	861.267.330
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.517.518.273	5.408.949.873
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.176.375.873)	(5.176.375.873)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	87.407.563.505	44.511.749.887
1. Hàng tồn kho	141		87.604.038.135	44.826.826.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(196.474.630)	(315.076.872)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.950.521.801	7.041.514.516
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	316.408.301	405.611.561
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.939.966.576	5.941.756.031
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	694.146.924	694.146.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.934.517.913	162.538.593.358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

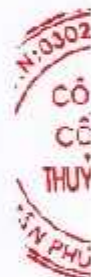
II. Tài sản cố định	220		155.503.136.094	159.697.097.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	134.999.146.014	140.446.368.165
- Nguyên giá	222		248.179.678.235	243.627.948.774
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(113.180.532.221)	(103.181.580.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.503.990.080	19.250.729.039
- Nguyên giá	228		25.313.568.000	26.091.778.833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.809.577.920)	(6.841.049.794)
III. Đất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	655.700.000	1.553.567.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		655.700.000	1.553.567.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.659.451.081	1.171.698.052
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.659.451.081	1.171.698.052
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		383.205.121.599	312.216.646.913

a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): không biến động.

b. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không biến động.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghe từ ghe nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;
- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;
- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

4.1 Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài;
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề;
- Nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm do khai thác quá mức của các năm trước đây, ngư trường bị thu hẹp và chi phí tăng cao ngư dân ít di biến hoặc chuyển sang khai thác các loài khác.

4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Theo dự báo năm 2019 sẽ là năm tiếp tục đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình này, Ban Tổng Giám Đốc đã hoạch định chỉ tiêu chính cho năm 2019 như sau:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	424,70	14,30	2.815	3.539
2	Chi nhánh Ba Tri	212,30	6,90	1.385	
3	Chi nhánh I là Nội	12,16			
Tổng cộng		649,16	21,20	4.200	3.539

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2019: 16,5 tỷ đồng (lợi nhuận trước thuế)

4.3 Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất;
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao đặc biệt thịt ghe đóng hộp thanh trùng;
- Giữ vững thị phần và tìm giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường nội địa;

- Từng bước nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao năng suất lao động;
 - Xây dựng chính sách để thu hút nguồn lao động phổ thông theo kịp tốc độ gia tăng sản xuất của Công ty.
- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): không có**
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**
- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):**
Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng sử dụng tiết kiệm.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**
Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.
Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**
Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết nguyên đán. Đồng thời cũng đóng góp vào các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục biến động tăng do nguồn cung sụt giảm đồng thời cạnh tranh thu gom nguyên liệu giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tài chính của Công ty sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghe từ ghe nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;
- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;
- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban Giám đốc công ty:

- Với sự thuận lợi do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty, điều hành trực tiếp việc sản xuất của Công ty, nên HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Thuận lợi:

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài;
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề;
- Nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm do khai thác quá mức của các năm trước đây, ngư trường bị thu hẹp và chi phí tăng cao ngư dân ít đi biển hoặc chuyển sang khai thác các loài khác.

Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Điều hành chủ trương tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, song song với việc tiếp tục hoàn thiện hệ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Scaspimex	424,7	14,3	2.815	3.539
2	Chi nhánh Ba Tri	212,3	6,9	1.385	
3	Chi nhánh Hà Nội	12,16			
Tổng cộng		649,16	21,2	4.200	3.539

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Lê Công Đức	Chủ tịch	X		0	0	
2	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên		X	278.890	2,58	Cổ đông cá nhân
3	Cao Thanh Định	Thành viên		X	1.120.000	10,37	Cổ đông cá nhân
4	Trần Phước Thái	Thành viên		X	1.296.000	12,00	Đại diện vốn NN
5	Nguyễn Văn Liêm	Thành viên		X	0	0	Hết nhiệm kỳ ngày 24.04.18
6	Huỳnh An Trung	Thành viên		X	0	0	Trống cử HĐQT ngày 24.01.18

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	6/6	100,00	
2	Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	1/3	33,33	Vắng mặt có lý do
3	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	6/6	100,00	
4	Ông Cao Thanh Định	Thành viên	6/6	100,00	
5	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	6/6	100,00	
6	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	3/3	100,00	

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/18/NQ/TĐS/HĐQT	22/01/2018	<ul style="list-style-type: none">Thông qua Bảng BC KQ SXKD năm 2017 của TGD.Thông nhất Kế hoạch SXKD năm 2018 của BTGD.Thông nhất thường c.l.c TGD 01 tháng lương công việc, BLĐ ½ tháng lương công việc vì đã hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	12/18/NQ/TDS/HĐQT	29/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua BCTC năm 2017 đã được kiểm toán. Thông nhất việc tổ chức ĐHĐCĐ TN năm 2018. Thông qua dự thảo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử TV HĐQT và KSV nhiệm kỳ 2018-2023. Thông nhất chủ trương "Đầu tư dây chuyền cấp đông nhanh (IQF) công suất 500kg/giờ.
3	13/18/QĐ/TES/HĐQT	02/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập BTC DIIDCD TN năm 2018.
4	23/18/NQ/TES/HĐQT	11/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung Tài liệu hợp dự thảo DIIDCD 2018 Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa dự kiến điều hành DII.
5	39/18/NQ/TES/HĐQT	20/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo KQ hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2018. Thông nhất việc tập trung tìm kiếm nguồn nguyên liệu giá tốt cho sản phẩm xich. Thông nhất việc tìm kiếm nhân sự cao cấp bổ sung vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Cty.
6	45/18/NQ/TDS/HĐQT	12/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo KQ hoạt động SXKD 09 tháng đầu năm 2018. Thông nhất chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty với tỷ lệ tăng vốn dự kiến là 20%. Giao cho ông Cao Thanh Định – Thành viên HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty triển khai phương án tăng vốn điều lệ theo đúng quy định và trình ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	0	0	Trúng cử BKS ngày 24.04.18
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	0	0	
3	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	0	0	Trúng cử BKS ngày 24.04.18
4	Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS	648.000	6,00	Đại diện vốn NN Hết nhiệm kỳ ngày 24.04.18
5	Lê Thị Tuyên	Thành viên BKS	0	0	Hết nhiệm kỳ ngày 24.04.18

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.
- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2018 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.
- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.
 - Trong năm 2018 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nêo từ phía cổ đông.
 - Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.
 - Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2018 theo đúng pháp luật của nhà nước.
 - Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
 - Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.
 - Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2018, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2018:

STT*	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000 (1)

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Cty năm 2018:

Năm 2018, Ban điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2018, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 576.483.023 đồng.

15/2/2019
TY
HÀN
CSAI
10/0

- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018 là: **1.561.485.749 đồng** (Một tỷ năm trăm sáu mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng) (2)

Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT; lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018 là:

(1) + (2) = 1.921.485.749 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng)

- h. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Đầu tư Vina	Tổ chức có quan hệ với TV HĐQT	510.000	4,72	1.402.900	12,99	Tăng tỷ lệ nắm giữ

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 40 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.397m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

- Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Quan hệ cổ đông → Công bố thông tin năm 2018 → Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018).

Nơi nhận:

- UB CKNN, SGD CKHN;
- TV HĐQT, Trưởng BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ CÔNG ĐỨC